TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2022, về: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thùy D, sinh năm: 1995
Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh La Ngọc T, sinh năm: 1992
Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022, bản tự khai ngày 24/6/2022, nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy D trình bày: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, cấp ngày 12/6/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh T không chăm lo làm ăn để vun đắp gia đình mà ham chơi, chửi bới, đánh đập chị D, chị nhiều lần tha thứ nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu La Ngọc V, sinh ngày

29/10/2018. Chị D yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 22/6/2022, anh La Ngọc T trình bày: Quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như chị D trình bày. Quá trình chung sống thì vợ chồng không hòa hợp nhau, nay chị yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Đúng như chị D trình bày. Anh T đồng ý giao con chung cho chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung vì hiện nay anh không có điều kiện nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy D, chị D được ly hôn với anh La Ngọc T. Về con chung: Giao con chung là La Ngọc V, sinh ngày 29/10/2018 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Thùy D yêu cầu ly hôn anh La Ngọc T. Yêu cầu của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú ổn định. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

Chị D, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị D và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng

ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, cấp ngày 12/6/2017. Do đó, hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nhận thấy giữa chị D và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp nhau. Chị D yêu cầu ly hôn anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị D yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị D yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu giao con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì hiện nay anh không có điều kiện nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Hiện nay con chung chưa thành niên, nên cần sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ, chị D có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị D là có cơ sở nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thùy D và anh La Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Bùi Thị Thùy D xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 320, Điều 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thùy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy D được ly hôn anh La Ngọc T.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Thùy D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Ngọc V, sinh ngày 29/10/2018. Anh La Ngọc T tạm thời

không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị D và anh T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị Thùy D và anh La Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy D nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo thủ tục rút gọn về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007073 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Bùi Thị Thùy D đã nộp đủ.

Chị Bùi Thị Thùy D, anh La Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường L, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn